

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2023/DS-ST

Ngày: 29-03-2023

V/v: “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trà Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Đinh Thị Thanh Thủy

Bà Nguyễn Thị Thu Thủy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Vân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Xuân Thu - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 25 tháng 11 năm 2022, ngày 28, ngày 29 tháng 03 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 192/2022/TLST-DS ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 537/2022/QĐXXST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2022, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số: 36/2022/QĐST-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, Thông báo về việc mở lại phiên tòa số: 45/TB-TA, ngày 02 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Hồng T, sinh năm 1980

Địa chỉ: Hẻm 247/10/3 đường HV, phường TP, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị Hồng T: Ông Huỳnh Phan Q, sinh năm 1995, có mặt (theo giấy ủy quyền ngày 28/3/2023).

Địa chỉ: Xã ĐP, huyện ĐL, tỉnh Quảng Nam.

2. Bị đơn: Bà Phạm Thị Thanh H, sinh năm 1982, có mặt.

Ông Trần Hoài L, sinh năm 1978, có mặt.

Cùng địa chỉ: TDP LH2B, phường TQT, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Võ Xuân V, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Tổ 7, phường NC, thành phố QN, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 13/6/2022, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung ngày 15/7/2022, biên bản hòa giải ngày 07/9/2022, đơn đề nghị ngày 13/9/2022, văn bản trình bày ý kiến ngày 16/12/2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T là ông Huỳnh Phan Q trình bày:

Ngày 28/4/2017, bà Trần Thị Hồng T và ông Võ Xuân V ký Giấy mượn tiền với vợ chồng ông Trần Hoài L và bà Phạm Thị Thanh H để cho ông L, bà H vay số tiền 600.000.000 đồng. Mục đích ông L, bà H vay là để đáo hạn khoản nợ của Công ty TNHH TP (công ty do bà H làm Giám đốc); thời hạn cho vay là 05 ngày kể từ thời điểm nhận đủ tiền; lãi suất cho vay là 3%/tháng. Từ khi cho vay đến nay, mặc dù bà T đã nhiều lần liên hệ, yêu cầu thanh toán nhưng vợ chồng ông L, bà H vẫn chưa thanh toán cho bà T, ông V bất kỳ khoản nợ gốc, nợ lãi nào theo Giấy mượn tiền ngày 28/4/2017. Đến năm 2018, bà T đã trả cho ông Võ Xuân V số tiền 50.000.000 đồng mà ngày 28/4/2017 ông V góp cùng bà T để cho ông L, bà H vay trong số tiền 600.000.000 đồng. Ông L, bà H đã vi phạm thỏa thuận trả nợ, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T nên bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông L, bà H phải trả cho bà T số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, không yêu cầu trả tiền lãi trong hạn, yêu cầu trả tiền lãi quá hạn 20%/năm ($1,666\%/tháng \times 70,8 \text{ tháng} = 707.716.800$ đồng; tổng số tiền mà ông L, bà H phải trả cho bà T là 600.000.000 đồng + 707.716.800 đồng = 1.307.716.800 đồng).

Bà có nhận được số tiền là 300.000.000 đồng do bà Ngô Thị N chuyển qua tài khoản ngân hàng số 57010000158241 mở tại Ngân hàng BIDV Quảng Ngãi và số tiền 55.000.000 đồng do bà Phạm Thị Thanh H chuyển 03 lần qua tài khoản ngân hàng số 0271000299601 mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam. Như trình bày tại Đơn khởi kiện, kể từ ngày đến hạn trả tiền, bị đơn vẫn chưa trả cho bà khoản tiền nợ gốc, nợ lãi nào. Việc chuyển khoản của bà N và bà H số tiền tổng cộng 355.000.000 đồng nêu trên để thực hiện giao dịch khác không liên quan đến trả nợ gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi theo Giấy mượn tiền ngày 28/4/2017.

Ngày 21/5/2020, bà T có gửi đơn tố giác tội phạm đến Công an tỉnh Quảng Ngãi đề nghị xử lý đối với hành vi lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản của bà Phạm Thị Thanh H và ông Trần Hoài L. Sau khi tiếp nhận đơn, bà H, ông L và bà T đã nhiều lần đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đến làm việc. Đến ngày 30/6/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi đã có Thông báo kết quả giải quyết nguồn tin về tội phạm số 260/TB-CSHS ngày 30/6/2020. Nội dung Thông báo: Việc vợ chồng bà Phạm Thị Thanh H, ông Trần Hoài L vay tiền của bà Trần Thị Hồng T số tiền 2.730.000.000 đồng là có thực, giao dịch vay tiền giữa hai bên là giao dịch dân sự ngay thẳng tự nguyện, có giấy tờ vay tiền rõ ràng. Quá trình thực hiện các giao dịch, do kinh doanh thua lỗ nên vợ chồng bà H chưa trả nợ cho bà T; bà H cam kết cùng chồng làm ăn trả nợ dần cho bà T. Như vậy có thể thấy, tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi, bà H đã thừa nhận có nợ và cam kết cùng ông L trả nợ, việc thừa nhận nợ nêu trên là căn cứ để bắt đầu lại thời hiệu khởi kiện theo khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 “thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp bên có

nghĩa vụ đã thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện và thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại kể từ ngày tiếp theo sau ngày xảy ra sự kiện quy định tại khoản 1 Điều này”. Căn cứ Điều 429 Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu khởi kiện đối với tranh chấp hợp đồng là 03 năm. Do đó, vụ việc tranh chấp vay tài sản theo Giấy mượn tiền ngày 28/4/2017 còn thời hiệu khởi kiện, nên không áp dụng thời hiệu khởi kiện hợp đồng theo đơn đề nghị Tòa án áp dụng thời hiệu khởi kiện đề ngày 12/9/2022 của bà Phạm Thị Thanh H.

* Tại bản tự khai ngày 18/8/2022, đơn đề nghị ngày 12/9/2022, biên bản ghi lời khai ngày 24/02/2023, biên bản hòa giải ngày 07/9/2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H trình bày:

Vào ngày 28/4/2017 ông, bà có vay của bà Trần Thị Hồng T số tiền 600.000.000 đồng, mục đích là để đáo hạn ngân hàng, với thời hạn vay 05 ngày, lãi suất 3%/tháng. Ngoài ra quá trình trước đó ông, bà có vay của bà T nhiều lần và có trả nợ lãi nhưng trả như thế nào và trả khoản nợ nào thì ông, bà không nhớ và không biết cụ thể. Vì trong quá trình làm ăn gặp thất bại dẫn đến việc chậm trễ trả nợ cho bà T. Nay bà T khởi kiện yêu cầu ông, bà phải trả số nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi 707.716.800 đồng, ông, bà đồng ý trả nợ gốc và xin được miễn trả nợ lãi.

Vào tháng 7 năm 2022, bà Thu có làm đơn khởi kiện yêu cầu trả số tiền 1.209.205.479 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, nợ lãi là 609.205.479 đồng. Ông, bà chấp nhận số tiền nợ gốc là 600.000.000 đồng, nhưng bà T yêu cầu ông, bà phải trả thêm số tiền lãi tính đến ngày 28/7/2022 là 609.205.479 đồng. Nay bị đơn bà H đề nghị áp dụng thời hiệu hợp đồng cho khoản tính lãi của bà T yêu cầu vì thời hiệu đã quá lâu và hiện nay bà đã làm ăn thất bại, mất khả năng trả lãi.

Ông, bà nhiều lần vay tiền của bà Trần Thị Hồng T trước ngày 28/4/2017 và cũng có nhiều lần đã trả nợ cho bà T. Tuy nhiên, hiện nay ông, bà không có tài liệu, chứng cứ gì để chứng minh đã trả tiền cho bà Thu theo số tiền mà ông, bà đã mượn vào ngày 28/4/2017 theo tài liệu đã giao nộp là giấy chứng nhận nộp tiền ngày 05/5/2017, ngày 20/10/2017 và giấy nộp tiền mặt ngày 21/8/2017 thể hiện người nhận là Trần Thị Hồng T.

* Tại đơn trình bày ngày 24/8/2022, trong quá trình tố tụng tại Tòa án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân V trình bày: Ông Võ Xuân V thống nhất với lời trình bày của bà T, bà T đã hoàn trả cho ông số tiền 50.000.000 đồng ông góp cùng bà T để cho ông L, bà H vay nên ông V không còn liên quan đến việc vay tiền theo giấy mượn tiền ngày 28/4/2017 giữa bà T và ông L, bà H.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phát biểu ý kiến về những nội dung sau:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng.

1. Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý, xác định tư cách tham gia tố tụng, việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ, trình tự thụ lý, việc giao nhận

thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và đương sự; đúng thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự.

2. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa:

Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

3. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng

Các đương sự đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Người đại diện theo ủy quyền chấp hành đúng theo quy định tại Điều 85, Điều 86 Bộ luật Tố tụng dân sự.

II. Về việc giải quyết vụ án.

Căn cứ Điều 92, 144, 147, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 149, Điều 157, Điều 429, Điều 463, 466, 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng Thu, buộc bà Phạm Thị Thanh H và ông Trần Hoài L phải trả cho bà T số tiền 1.307.716.800 đồng, trong đó nợ gốc là 600.000.000 đồng, tiền lãi 707.716.800 đồng tính từ ngày 04/5/2017 đến ngày 28/3/2023 và tiếp tục trả lãi cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

- Không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn bà Phạm Thị Thanh H.

- Về án phí: bị đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật; hoàn trả lại cho nguyên đơn số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp khoản 3 Điều 26, Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Xuân V đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn về số tiền nợ gốc, thì thấy rằng:

Ông Võ Xuân V và bà Trần Thị Hồng T đều thừa nhận ông V có góp cùng với bà T 50.000.000 đồng để cho ông Trần Hoài L và bà Phạm Thị Thanh H vay số tiền 600.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 28/4/2017; đến năm 2018, bà T đã hoàn trả số tiền 50.000.000 đồng lại cho ông V. Do đó xác định ông V không còn liên quan đến khoản tiền 600.000.000 đồng theo Giấy mượn tiền ngày 28/4/2017, bà T hoàn toàn có quyền khởi kiện vụ án với tư cách là nguyên đơn.

Bị đơn ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H thừa nhận ngày 28/4/2017 có vay của bà Trần Thị Hồng T số tiền 600.000.000 đồng để đáo hạn ngân hàng theo giấy mượn tiền ngày 28/4/2017, nhưng do làm ăn thua lỗ nên chưa có tiền trả nợ cho bà T.

Như vậy, xác định được rằng ông L, bà H có vay tiền và hiện còn nợ bà T số tiền nợ gốc 600.000.000 đồng, đây là tình tiết, sự kiện không phải chứng minh theo Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 155 Bộ luật Tố tụng dân sự thì không áp dụng thời hiệu khởi kiện. Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu ông L, bà H trả nợ gốc với số tiền 600.000.000 đồng là có cơ sở nên được chấp nhận.

[2.2] Xét yêu cầu của nguyên đơn về phần tiền lãi và yêu cầu của bị đơn về việc yêu cầu áp dụng thời hiệu đối với phần tiền lãi, thì thấy rằng:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản 2 Điều 184 Bộ luật Tố tụng dân sự: Tòa án chỉ áp dụng quy định về thời hiệu theo yêu cầu áp dụng thời hiệu của một bên hoặc các bên với điều kiện yêu cầu này phải được đưa ra trước khi Tòa án cấp sơ thẩm ra bản án, quyết định giải quyết vụ việc. Ngày 12/9/2022, bị đơn bà Phạm Thị Thanh H có đơn yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện đối với khoản tiền lãi của phía nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết; ngày 12/9/2022, Tòa án có Thông báo số 11/TB-TA về việc yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bà H gửi cho các đương sự. Do đó, yêu cầu về áp dụng thời hiệu khởi kiện của bà H đối với khoản tiền lãi được thực hiện đảm bảo đúng quy định.

Tuy nhiên, theo tài liệu do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi cung cấp thì:

- Tại đơn tố giác tội phạm ngày 21/5/2020 của bà T tố giác vợ chồng bà H, ông L vay của bà T số tiền 2.250.000.000 đồng, trong đó có lần vay tiền ngày 28/4/2017 với số tiền 600.000.000 đồng.

- Tại Biên bản ghi lời khai của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Quảng Ngãi ngày 08/6/2020 bà Hương xác định nội dung các giấy vay tiền bà T nộp cho cơ quan điều tra là đúng, kể cả chữ ký của bà H và ông L, tổng số tiền gốc bà H còn nợ bà T tính đến ngày 08/6/2020 là 2.730.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 1 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015 quy định: thời hiệu khởi kiện vụ án dân sự bắt đầu lại trong trường hợp bên có nghĩa vụ thừa nhận một phần hoặc toàn bộ nghĩa vụ của mình đối với người khởi kiện. Như vậy, ngày 08/6/2020 là ngày bà H thừa nhận có nợ bà T, trong đó có khoản nợ gốc và lãi của khoản vay 600.000.000 đồng ngày 28/4/2017. Do đó, thời hiệu khởi kiện về tiền lãi của bà T được tính lại từ ngày 09/6/2020 theo quy định tại khoản 2 Điều 157 Bộ luật dân sự năm 2015, ngày 13/6/2022 bà T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết là vẫn còn thời hiệu khởi kiện nên không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bà H.

Ngày 28/4/2017 bà T cho bà H và ông L vay tiền, thời hạn vay là 05 ngày, lãi suất cho vay là 3%/tháng, do đó đây là hợp đồng vay tài sản có kỳ hạn và có lãi theo quy định tại Điều 463, khoản 2 Điều 470 Bộ luật dân sự năm 2015. Đến

nay bà H, ông L vẫn chưa trả nợ cho bà T là đã vi phạm hợp đồng, vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo giấy mượn tiền ngày 28/4/2017 thì lãi suất vay trong hạn là 3%/tháng, tuy nhiên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết tiền lãi trong hạn. Bà T yêu cầu bà H, ông L phải trả cho bà T tiền lãi quá hạn với lãi suất quá hạn là 20%/năm tính từ ngày 04/5/2017 đến hết ngày 28/3/2023 là 707.716.800 đồng. Lãi suất mà bà T yêu cầu là phù hợp với quy định tại khoản 5 Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên được chấp nhận. Như vậy, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T, buộc ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả số tiền gốc 600.000.000 đồng và tiền lãi 707.716.800 đồng, tổng cộng là 1.307.716.800 đồng cho bà Trần Thị Hồng T.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Do buộc bị đơn ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H phải trả cho bà Trần Thị Hồng T tổng cộng gốc và lãi là 1.307.716.800 đồng nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 51.231.504 đồng, nhưng ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H được Ủy ban nhân dân phường Trương Quang Trọng xác nhận có hoàn cảnh rất khó khăn về kinh tế do dịch bệnh Covid-19 và đã có đơn đề nghị giảm án phí nên ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H được giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm còn phải chịu là 25.615.752 đồng.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí cho bà Trần Thị Hồng T là 24.138.082 đồng.

[4] Ý kiến về việc giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Quảng Ngãi phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Căn cứ: khoản 2 Điều 149, Điều 157, Điều 429, Điều 463, Điều 465, Điều 466, Điều 468, khoản 2 Điều 470 Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 92, khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 144, Điều 147, khoản 2 Điều 184, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016.

2/ Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Hồng T.

Buộc ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H phải có nghĩa vụ trả nợ tiền gốc và tiền lãi cho bà Trần Thị Hồng T tổng cộng 1.307.716.800 đồng (Một tỷ, ba trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm đồng), trong đó tiền gốc 600.000.000 đồng (Sáu trăm triệu đồng), tiền lãi 707.716.800 đồng (Bảy trăm lẻ bảy triệu, bảy trăm mười sáu nghìn, tám trăm đồng).

- Không chấp nhận yêu cầu áp dụng thời hiệu khởi kiện của bị đơn bà Phạm Thị Thanh H.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Trần Hoài L, bà Phạm Thị Thanh H phải chịu 25.615.752 đồng (Hai mươi lăm triệu, sáu trăm mười lăm nghìn, bảy trăm năm mươi hai đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự 24.138.082 đồng (Hai mươi bốn triệu, một trăm ba mươi tám nghìn, không trăm tám mươi hai đồng) cho bà Trần Thị Hồng T theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0002999 ngày 28/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi.

3/ Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4/ Trường hợp Bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tp Quảng Ngãi;
- Chi cục THADS tp Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

ĐÃ KÝ

Trà Thanh Tùng